

Số: **794** /QĐ-BNN-TCTL

Hà Nội, ngày **21** tháng **4** năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt “Đề án Tái cơ cấu ngành thủy lợi”

SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT	
CÔNG VĂN ĐẾN	Số: 227
	Ngày: 28/4/2014

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đê điều 2006; Luật Phòng, chống thiên tai 2013;

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PL-UBTVQH ngày 04/4/2001 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ;

Căn cứ Quyết định số 1590/QĐ-TTg ngày 9/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt định hướng Chiến lược Phát triển thủy lợi Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 104/2000/QĐ-TTg ngày 25/8/2000 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg ngày 16/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2010;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 19/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013-2020;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu ngành thủy lợi” với các nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM.

1. Mục tiêu.

Nâng cao hiệu quả ngành thủy lợi phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; đáp ứng yêu cầu phát triển của các ngành kinh tế - xã hội; nâng cao năng lực phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH); góp phần hiện đại hóa cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

2. Nhiệm vụ

a) Củng cố, phát triển thủy lợi nội đồng, gắn với xây dựng nông thôn mới: Nâng cấp cơ sở hạ tầng thủy lợi nội đồng, đáp ứng các phương thức canh tác tốt để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, đáp ứng linh hoạt yêu cầu của thị trường, nâng cao thu nhập của nông dân; củng cố tổ chức thủy nông cơ sở (Hợp tác xã, tổ hợp tác) bền vững.

b) Củng cố các tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi: Nâng cao hiệu quả quản lý, đổi mới cơ chế vận hành, nâng cao chất lượng dịch vụ hệ thống; nâng cao chất lượng hệ thống công trình, chống xuống cấp, bền vững về kỹ thuật và tài chính, từng bước hiện đại hóa.

c) Phát triển một nền nông nghiệp chủ động tưới, tiêu theo hướng hiện đại: Đẩy mạnh trên diện rộng các giải pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho các cây trồng cạn chủ lực: cà phê, hồ tiêu, chè, cây điều, cây mía, cây ăn quả, rau, hoa,... Trọng tâm khu vực Tây Nguyên, Đông Nam bộ, Duyên hải miền Trung và miền núi phía Bắc.

d) Phát triển hạ tầng thủy lợi phục vụ vùng thâm canh nuôi trồng thủy sản với đối tượng nuôi chủ lực (tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cá tra, rô phi) ở Đồng bằng sông Cửu Long, các khu vực ven biển Trung Bộ.

e) Nâng cao mức bảo đảm an toàn phòng chống thiên tai, bão, lũ, lụt, an toàn hồ đập. Chủ động phòng chống, né tránh hoặc thích nghi để giảm thiểu tổn thất, bảo vệ an toàn cho dân cư, đảm bảo ổn định và phát triển sản xuất trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

f) Nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro thiên tai và an toàn đập bằng áp dụng các công nghệ tiên tiến và nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, ưu tiên các giải pháp phi công trình.

g) Nâng cao hiệu quả quản lý khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn theo hướng bền vững cả về kết cấu hạ tầng, mô hình quản lý và tài chính.

3. Quan điểm

a) Tái cơ cấu ngành thủy lợi vừa là nội dung, vừa là giải pháp để thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

b) Thực hiện phân cấp mạnh mẽ việc đầu tư, quản lý và khai thác các công trình thủy lợi; từng bước chuyển đổi cơ chế quản lý vận hành các công trình thủy lợi theo định hướng thị trường.

c) Chuyển dịch mạnh mẽ đối tượng phục vụ của thủy lợi từ sản xuất nông nghiệp đơn thuần (trọng tâm là cây lúa) sang phục vụ đa mục tiêu, ưu tiên cao phục vụ cho nuôi trồng thủy sản, phát triển cây công nghiệp, cây ăn quả, dược liệu,..., phục vụ sản xuất công nghiệp và dân sinh.

d) Nâng cao hiệu quả phòng chống thiên tai, áp dụng công nghệ tiên tiến kết hợp với nâng cao năng lực phòng chống của cộng đồng, đẩy mạnh biện pháp phi công trình. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

e) Phát huy nội lực và nâng cao vai trò chủ thể của người dân trên cơ sở đẩy mạnh xã hội hóa, huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế trong đầu tư, xây dựng và quản lý khai thác các công trình thủy lợi.

II. ĐỊNH HƯỚNG

1. Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác hệ thống công trình thủy lợi.

1.1. Với hệ thống thủy lợi nội đồng.

a) Nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng nội đồng để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất nông nghiệp đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Với diện tích đất trồng lúa: Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng thủy lợi, gắn với xây dựng đường giao thông nội đồng, dồn điền, đổi thửa, san phẳng đồng ruộng để có thể áp dụng các phương thức canh tác tiên tiến; tổ chức lại sản xuất theo quy mô lớn, thúc đẩy cơ giới hóa, góp phần nâng cao năng suất, giảm chi phí phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, tiết kiệm nước, giảm phát thải khí nhà kính, nâng cao thu nhập của người dân.

- Với diện tích đất chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi hoặc canh tác kết hợp: Cần nâng cấp cơ sở hạ tầng thủy lợi nội đồng, để có thể áp dụng các phương thức canh tác tiên tiến thích hợp.

b) Cùng cố Tổ chức quản lý thủy nông cơ sở.

- Rà soát, cùng cố, tổ chức hợp tác xã, thành lập trên cơ sở tự nguyện, hợp tác, bình đẳng, đồng sở hữu, tương trợ lẫn nhau giữa các thành viên hợp tác xã nhằm mang lại lợi ích cho thành viên; đồng thời, tổ chức quản lý thủy nông cơ sở gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Căn cứ vào đặc thù của các vùng miền về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và quy mô hệ thống công trình thủy lợi để đề xuất các mô hình tổ chức khác nhau: Hợp tác xã đa dịch vụ, hợp tác xã chỉ làm dịch vụ nước, tổ hợp tác,.... Xây dựng hệ thống chính sách đồng bộ để hỗ trợ, cùng cố tổ chức, năng lực quản lý, khả năng tham gia cung cấp các dịch vụ khác nhau nhằm phát triển bền vững thủy

nông cơ sở.

1.2. Với hệ thống công ty, xí nghiệp quản lý khai thác công trình thủy lợi.

- Tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh hệ thống: Nâng cấp hệ thống kênh mương, công trình trên kênh, đầu tư xây dựng mới hệ thống kênh mương, trạm bơm để tăng tỷ lệ diện tích được cấp nước, khả năng tiêu thoát nước của hệ thống; ưu tiên hệ thống công trình thủy lợi khu vực miền Trung, Tây Nguyên, Đồng bằng sông Cửu Long.

- Đầu tư các hạng mục công trình để nâng cao năng lực cung cấp các dịch vụ có thu như: cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ và các loại hình sản xuất nông nghiệp có giá trị gia tăng cao; tăng nguồn thu, giảm bớt bao cấp từ ngân sách nhà nước, tạo động lực nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi.

- Ưu tiên đầu tư các trang thiết bị công nghệ để nâng cao năng lực dự báo hạn, xâm nhập mặn, ứng ngập,.. trong hệ thống, nâng cao năng lực quản lý vận hành hệ thống.

- Nâng cao hiệu quả quản lý hệ thống công trình thủy lợi: chuyển đổi căn bản cơ chế hoạt động của công tác quản lý khai thác từ cơ chế giao kế hoạch sang cơ chế đặt hàng hoặc đấu thầu quản lý khai thác; khuyến khích mở rộng các hoạt động cung cấp các dịch vụ có thu, ưu tiên cung cấp nước sạch cho sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp công nghệ cao; áp dụng các quy trình quản lý tiên tiến nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2. Phát triển tưới cho cây trồng cạn.

- Áp dụng đồng bộ trên diện rộng các giải pháp tưới tiên tiến và tiết kiệm nước, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giảm thiểu rủi ro cho các loại cây trồng chủ lực có giá trị kinh tế cao như cây cà phê, hồ tiêu, điều, mía, chè, cây ăn quả và các loại cây trồng cạn khác; khuyến khích phát triển công nghệ chế tạo để sản xuất, cung cấp dịch vụ cho tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống công trình thủy lợi (hồ chứa quy mô vừa và nhỏ, các trạm bơm, hệ thống chuyển nước áp lực và kênh dẫn) để tạo nguồn nước tưới cho vùng cây công nghiệp tập trung, ưu tiên khu vực Tây Nguyên, miền Trung và Đông Nam bộ; đồng thời, cung cấp nước cho khu vực đất dốc để tăng diện tích canh tác, tăng vụ, khai thác hiệu quả, bền vững vùng đất dốc, góp phần xóa đói giảm nghèo, giảm nạn phá rừng cho vùng miền núi phía Bắc và miền Trung.

3. Phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản.

- Khu vực ven biển Trung bộ: Tiếp tục xây dựng các hồ chứa theo quy hoạch, kết nối các hồ chứa để tạo nguồn nước, xây dựng các hệ thống dẫn nước để cung cấp nước cho các khu công nghiệp, cho dịch vụ, cung cấp nước cho nông nghiệp và thủy sản ở khu vực ven biển gắn với tổ chức lại sản xuất, nuôi trồng thủy sản tiết kiệm nước và xử lý nước sau nuôi; đảm bảo nguồn nước (mặn và ngọt) sạch, chủ động để nuôi thủy sản theo quy trình công nghệ tiên tiến, năng suất cao và an toàn.

- Khu vực Đồng bằng sông Cửu Long: Áp dụng các giải pháp thủy lợi phục vụ cho nuôi thủy sản bền vững: Đầu tư hạ tầng để lấy nước chủ động (mặn, ngọt),

kết hợp với phương pháp nuôi tiết kiệm nước và có xử lý nước đảm bảo môi trường nước cho các khu vực nuôi thủy sản tập trung, nuôi công nghiệp (trọng tâm là các da trơn và thủy sản nước lợ).

4. Nâng cao mức đảm bảo an toàn hồ đập.

- Tăng cường quản lý nhà nước về an toàn đập (ATĐ), đảm bảo quản lý chặt chẽ về ATĐ từ quy hoạch, khảo sát, thiết kế, xây dựng và quản lý vận hành; tiếp tục rà soát hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế trong điều kiện BĐKH; tiếp cận các kinh nghiệm quốc tế.

- Tăng cường đảm bảo an toàn cho khu vực hạ lưu đập: tăng cường phối hợp liên ngành để dự báo, cảnh báo lũ, vận hành hồ chứa và phòng chống lũ cho vùng hạ lưu đập.

- Nâng cao năng lực dự báo mưa lũ, vận hành hồ chứa hợp lý, điều tiết xả lũ liên hồ chứa, tiến tới vận hành theo thời gian thực. Tăng cường thiết bị quan trắc; tăng khả năng xả lũ các hồ chứa lớn theo tiêu chuẩn quốc tế; nâng cao khả năng xả lũ cho hồ chứa vừa và nhỏ, tiếp tục củng cố và nâng cấp đập.

5. Nâng cao năng lực phòng chống thiên tai.

- Tiếp tục thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong Chiến lược phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai; rà soát, điều chỉnh Chiến lược phòng, chống thiên tai phù hợp với Luật phòng, chống thiên tai và yêu cầu, nhiệm vụ mới đặt ra;

- Xây dựng kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai và kế hoạch quản lý lũ tổng hợp cho các lưu vực sông; xây dựng kế hoạch và lộ trình thực hiện. Ưu tiên thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

+ Nâng cao năng lực thể chế cho Ban chỉ đạo phòng, chống thiên tai các cấp;

+ Lập và rà soát quy hoạch, kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai; ưu tiên lập các bản đồ ngập lụt, bản đồ hiểm họa do bão và nước biển dâng; lập quy trình vận hành các hồ chứa nước và các công trình phòng chống lụt bão;

+ Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo lũ, tăng cường lắp đặt các thiết bị quan trắc thông tin hồ chứa, quan trắc vùng ngập, quan trắc lũ; phối hợp với Bộ Tài nguyên & MT hoàn chỉnh hệ thống quan trắc, dự báo khí tượng thủy văn; ưu tiên các lưu vực sông, hồ chứa miền Trung;

+ Nâng cao nhận thức và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, tăng cường thực hiện phương châm “4 tại chỗ”, đẩy mạnh thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai của người dân” theo Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Kiện toàn hệ thống thông tin cảnh báo lũ; rà soát chính sách ứng cứu và phục hồi sau lũ; tiếp tục thực hiện các giải pháp công trình, ưu tiên rà soát các công trình gây cản trở khả năng thoát lũ ở vùng hạ lưu. Tiếp tục rà soát qui hoạch, nâng cao khả năng chứa lũ, dành không gian cho nước ở lưu vực sông, hệ thống hồ điều hòa ở khu vực đô thị, nông thôn; tiếp tục nghiên cứu các giải pháp để phòng chống lũ lớn có thể xảy ra, ưu tiên lưu vực sông Hồng, sông Đồng Nai – Sài Gòn, sông

Mã và sông Cả...Nâng cao năng lực ứng phó với bão lớn.

- Nâng cao năng lực quản lý hệ thống đê sông, đê biển, quản lý sạt lở bờ sông, bờ biển:

+ Tiếp tục nâng cao năng lực nghiên cứu, dự báo các tác động của BĐKH, của phát triển thượng nguồn, tác động của vùng hạ lưu các lưu vực sông (như khai thác nước ngầm, và lún đất) đến hệ thống công trình thủy lợi, như: Đê sông, đê biển, các trạm bơm, cống lấy nước để đề xuất các giải pháp thích ứng và giảm thiểu.

+ Nâng cao năng lực quản lý sạt lở để chủ động giải quyết ngay khi xuất hiện, sử lý sạt lở theo nguyên lý chỉnh trị sông, biển. Đẩy mạnh sử lý sạt lở bằng các giải pháp thân thiện với môi trường, trồng cây chắn sóng và rừng ngập mặn.

- Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện qui hoạch chống ngập cho các thành phố lớn và khu vực dân cư nông thôn; thực hiện các giải pháp chống ngập cho đô thị và các vùng nông thôn.

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao chất lượng quy hoạch thủy lợi, tăng cường quản lý thực hiện theo quy hoạch.

a) Đổi mới công tác quy hoạch.

- Quy hoạch thủy lợi gắn chặt với tái cơ cấu ngành nông nghiệp; áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ thủy lợi và tổ chức lại sản xuất trong nông nghiệp.

- Quy hoạch phát triển thủy lợi gắn với nâng cao hiệu quả quản lý khai thác hệ thống công trình thủy lợi (CTTL), nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ nước có thu, khuyến khích hợp tác đầu tư công – tư tạo nguồn lực cho phát triển thủy lợi.

- Nâng cao năng lực nghiên cứu, dự báo tác động của BĐKH và các tác động bất lợi trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội trên lưu vực (cả thượng và hạ lưu) sông để đề xuất các giải pháp “không hối tiếc”. Coi các giải pháp phi công trình là giải pháp quan trọng trong quy hoạch, xây dựng kế hoạch phát triển thủy lợi.

b) Rà soát quy hoạch thủy lợi toàn quốc.

- Đánh giá và điều chỉnh nhiệm vụ hệ thống công trình thủy lợi (CTTL) bao gồm: Cơ sở hạ tầng, phương thức tổ chức quản lý khai thác, năng lực của đội ngũ cán bộ-công nhân viên, hiện trạng và khả năng mở rộng cung cấp dịch vụ. Đổi mới phương pháp điều tra cơ bản, sử dụng bộ công cụ đánh giá Rap/Masscote; thực hiện đánh giá các công trình thủy lợi trên phạm vi toàn quốc làm căn cứ để điều chỉnh nhiệm vụ hệ thống công trình thủy lợi.

- Rà soát quy hoạch thủy lợi toàn quốc theo mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp trong điều kiện BĐKH với một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

+ Rà soát quy hoạch thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản: (1) Khu vực Duyên hải Miền Trung: Quy hoạch xây dựng hồ chứa trên các lưu vực sông để góp phần chống lũ và trữ nước cho mùa khô; liên kết các hồ chứa, tận dụng nguồn nước từ chuyển nước lưu vực sông Đồng Nai qua thủy điện Đại Ninh, sông Hinh,

Đa Nhim, Kanak-An Khê, Hàm Thuận - Đa Mi... để tiếp nguồn nước cho các lưu vực sông. Khuyến khích đầu tư theo phương thức hợp tác công-tư để dẫn và cung cấp nước cho khu công nghiệp, dịch vụ du lịch, nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản khu vực ven biển; tổ chức lại sản xuất nuôi trồng thủy sản theo quy mô công nghiệp, nuôi tiết kiệm nước và xử lý nước sau nuôi; (2) Khu vực ĐBSCL: Rà soát và điều chỉnh quy hoạch thủy lợi theo hướng phục vụ cho nuôi trồng thủy sản, trọng tâm cho cá da trơn, tôm nước lợ.

+ Rà soát quy hoạch thủy lợi cấp nước tưới cho các cây trồng cạn có quy mô sản xuất lớn: cây cà phê ở khu vực Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Tây Bắc; cây điều ở vùng Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và vùng Duyên hải Nam Trung bộ; cây hồ tiêu ở Đông Nam bộ, Tây Nguyên và Duyên hải Bắc Trung bộ; cây chè ở Trung du miền Núi phía Bắc, Tây Nguyên; cây cao su ở một số vùng có điều kiện thuận lợi về nguồn nước; cây mía ở trung du miền núi phía Bắc, duyên hải Miền Trung, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và ĐBSCL; cây ăn quả ở ĐBSCL và miền núi phía Bắc.

c) Quy hoạch và kế hoạch phòng, chống thiên tai, an toàn đập.

- Trong phòng chống thiên tai: Thực hiện chiến lược phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, xây dựng kế hoạch quốc gia phòng, chống thiên tai. Trọng tâm xây dựng kế hoạch quản lý lũ tổng hợp các lưu vực sông và quy hoạch quản lý rủi ro thiên tai cho các vùng, địa phương; xây dựng lộ trình thực hiện và theo dõi, kiểm tra, giám sát qua bộ chỉ số đánh giá.

- Quy hoạch lũ: Đổi mới, nâng cao chất lượng quy hoạch lũ, đẩy mạnh nghiên cứu, dự báo các kịch bản bất lợi nhất do tác động của BĐKH và vận hành hồ chứa thượng nguồn để phòng chống lũ hạ du; đánh giá quá trình phát triển giao thông, đô thị hóa, tác động cản lũ hạ du; đưa nội dung quy hoạch chính trị sông vào quy hoạch quản lý lũ hoặc đưa thành nội dung của quy hoạch phòng chống thiên tai. Tăng cường quản lý đất vùng hạ lưu liên quan tới quy hoạch lũ.

- Về an toàn đập: Điều chỉnh, bổ sung Chương trình an toàn hồ chứa, rà soát các hồ đập có nguy cơ mất an toàn, kiểm định đập, đánh giá lại lũ và mức đảm bảo an toàn hồ đập, từng bước nâng mức đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc tế cho hồ chứa lớn; tăng cường năng lực dự báo lũ và từng bước vận hành thời gian thực cho các hồ chứa lớn; tăng cường các giải pháp đảm bảo an toàn cho vùng hạ lưu khi xả lũ và trong trường hợp xảy ra sự cố vỡ đập.

2. Hoàn thiện thể chế, chính sách

a) Hoàn thiện thể chế và văn bản quy phạm pháp luật:

- Xây dựng Luật Thủy lợi; các nghị định hướng dẫn Luật phòng, chống thiên tai và Nghị định sửa đổi thay thế nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 07/5/2007 của Chính phủ về quản lý an toàn đập. Rà soát, đồng bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thủy lợi, chú trọng hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nâng cao vai trò chủ thể của nhân dân và các bên có liên quan trong công tác thủy lợi:

- Tiếp tục đổi mới hệ thống công ty quản lý khai thác công trình thủy lợi: Hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thực hiện nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 29/11/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích..., điều chỉnh rà soát hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và hệ thống định mức kinh tế-kỹ thuật; hoàn thiện cơ sở pháp lý để thúc đẩy, nhân rộng các hoạt động khai thác tổng hợp, các dịch vụ có thu, nhằm tăng nguồn thu, nâng cao tính tự chủ, bền vững về tài chính, tạo động lực để thu hút nguồn nhân lực; kiện toàn tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi, từ hệ thống liên tỉnh đến các hệ thống liên huyện, liên xã; làm rõ trách nhiệm quản lý nhà nước, quản lý khai thác các hệ thống công trình thủy lợi.

- Củng cố, đổi mới, phát triển bền vững tổ chức thủy nông cơ sở : Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý để hướng dẫn hoạt động của các tổ chức thủy nông cơ sở (Hợp tác xã, tổ hợp tác dùng nước), tăng cường đào tạo về quản lý vận hành và khoa học công nghệ cho tổ chức thủy nông cơ sở, ban hành các chính sách để hỗ trợ, củng cố tổ chức và tạo động lực cho phát triển bền vững các tổ chức thủy nông cơ sở, xây dựng cơ chế quản lý các chương trình, dự án (Nước sạch và VSMTNT, thủy lợi nội đồng...) gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Hoàn thiện thể chế, tăng cường xã hội hóa và quản lý bền vững nước sạch nông thôn, bao gồm:

+ Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện xã hội hóa lĩnh vực nước sạch nông thôn; rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để triển khai trên diện rộng sự tham gia của khu vực tư nhân trong đầu tư, xây dựng, quản lý vận hành cung cấp nước sạch nông thôn.

+ Tăng cường năng lực thể chế để phát triển bền vững hệ thống nước sạch nông thôn theo hướng quản lý định rõ trong các khâu từ quy hoạch, khảo sát, thiết kế, cơ chế quản lý đầu tư theo hướng nâng cao vai trò tham gia của người hưởng lợi và chính quyền địa phương; làm rõ trách nhiệm của các tổ chức có liên quan.

- Nâng cao năng lực thể chế trong phòng chống thiên tai:

+ Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về an toàn đập: Làm rõ trách nhiệm của các cá nhân tổ chức có liên quan trong đảm bảo an toàn đập và vùng hạ lưu đập, hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn, các quy chuẩn, tiêu chuẩn về an toàn đập và vùng hạ lưu đập.

+ Hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành (Công thương, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp & PTNT) trong quản lý rủi ro thiên tai; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo sớm, điều tiết hồ chứa, quản lý rủi ro lũ, bão; cơ chế phối hợp trong quản lý, phát triển cơ sở hạ tầng liên quan tới bão lũ (giữa các ngành: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp & PTNT, các tỉnh, thành phố trong lưu vực sông).

b) Hoàn thiện hệ thống chính sách

- Chính sách khuyến khích đầu tư công - tư:

+ Chuyển dịch vai trò của nhà nước từ cung cấp trực tiếp dịch vụ công sang

xây dựng khung pháp lý, chính sách hỗ trợ, điều phối, giám sát thực hiện, nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình và hiệu quả vốn đầu tư công. Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý để thúc đẩy hợp tác đầu tư công-tư.

+ Trong lĩnh vực nước sạch: Hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi và khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn.

+ Tiếp tục nghiên cứu các chính sách để phát triển trạm bơm điện cho Đồng bằng sông Cửu Long; chính sách hợp tác công - tư trong quản lý, nạo vét hệ thống công trình thủy lợi cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

+ Nghiên cứu, đề xuất chính sách giao đất, mặt nước và các chính sách khuyến khích khác để phát triển rừng ngập mặn ven biển, trồng cây chắn sóng ở khu vực đê sông, khuyến khích khu vực tư nhân trồng rừng và khai thác theo quy trình.

+ Nghiên cứu, đề xuất chính sách để thúc đẩy xây dựng hệ thống thủy lợi nội đồng, gắn với xây dựng nông thôn mới.

+ Nghiên cứu, đề xuất chính sách để đẩy mạnh áp dụng giải pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, xây dựng nhà lưới, nhà kính.

+ Hợp tác công-tư để khai thác các hệ thống nước áp lực của công trình thủy điện nhỏ, kết hợp trữ và tưới tiết kiệm để cung cấp nước cho sinh hoạt, cho trồng trọt ở khu vực miền núi.

- Hệ thống chính sách để củng cố, phát triển tổ chức thủy nông cơ sở:

+ Ngoài những chính sách đã được quy định trong Luật Hợp tác xã, cần đề xuất chính sách đặc thù, phù hợp với từng loại tổ chức, vùng miền, hỗ trợ hợp tác xã có thể cung cấp các dịch vụ như cung cấp nước sạch, cung cấp dịch vụ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, xây dựng nhà lưới, nhà kính, sản xuất các cấu kiện, thiết bị cho kiên cố hóa kênh mương; hỗ trợ thiết bị, công nghệ để chế tạo cấu kiện cho kiên cố hóa kênh mương,...

+ Chính sách thúc đẩy xây dựng cơ sở hạ tầng thủy lợi nội đồng: Hỗ trợ để xây dựng cơ sở hạ tầng thủy lợi nội đồng theo phương thức canh tác tiên tiến, gắn với san phẳng, cải tạo đồng ruộng, kết hợp với giao thông nội đồng để đẩy mạnh cơ giới hóa, khuyến khích liên kết sản xuất, dồn điền đổi thửa, canh tác theo quy mô lớn; chính sách hỗ trợ tín dụng ưu đãi thuế, KHCN cho doanh nghiệp, HTX, tổ chức thủy nông cơ sở sản xuất các cấu kiện, thiết bị công nghệ cho kiên cố hóa kênh mương, nhà lưới, nhà kính...

- Chính sách để triển khai diện rộng tưới tiên tiến-tiết kiệm nước: Xây dựng các mô hình trình diễn về tưới tiên tiến, tiết kiệm nước ở khu vực cần ưu tiên như Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Duyên hải miền Trung, miền núi phía Bắc... cho các loại cây trồng như: cà phê, hồ tiêu, mía, chè, cây điều, cây ăn quả, rau, hoa, dược liệu, tăng cường đào tạo, hướng dẫn quy trình kỹ thuật, thiết kế mẫu, đào tạo lớp

đặt, sử dụng tưới tiên tiến – tiết kiệm nước: làm nhà lưới, nhà kính...; chính sách về cho vay vốn ưu đãi cho hộ gia đình, trang trại, doanh nghiệp để áp dụng tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp, cá nhân (tín dụng ưu đãi, thuế, các chính sách khác) để sản xuất, cung ứng các vật tư thiết bị, cấu kiện, hệ thống tưới tiên tiến-tiết kiệm nước, nhà lưới, nhà kính; chính sách khuyến khích phát triển mạng lưới cung ứng thiết bị vật tư, gắn với khuyến nông.

3. Điều chỉnh cơ cấu đầu tư công

- Rà soát, phân loại dự án đầu tư theo hướng khuyến khích các dự án đầu tư công-tư: (1) Các dự án xây dựng hồ chứa và hệ thống dẫn nước, cung cấp nước cho sản xuất công nghiệp, dịch vụ, kết hợp cung cấp nước cho thủy sản, nông nghiệp có giá trị cao; (2) các dự án cung cấp nước sạch nông thôn, ở khu vực đông dân cư; (3) phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi như: Trạm bơm điện ở ĐBSCL, hệ thống thủy lợi nội đồng; (4) khai thác nguồn nước kết hợp phát điện ở khu vực miền núi phía Bắc; (5) các dự án cung cấp nước cho thủy sản,...

- Điều chỉnh các dự án đầu tư đang thực hiện: Điều chỉnh dự án theo hướng xây dựng cơ sở hạ tầng thủy lợi nội đồng để áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến; ưu tiên xây dựng mô hình trình diễn phù hợp với mục tiêu tái cơ cấu nông nghiệp, ưu tiên các dự án an toàn đập và quản lý rủi ro do lũ.

- Vận động vốn ODA theo hướng: Tăng cường đầu tư các công trình thủy lợi trực tiếp phục vụ chuyển đổi cơ cấu sản xuất, xây dựng nông thôn mới; tăng cường an toàn đập, nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai, thích ứng với BĐKH và bảo vệ môi trường.

- Đổi mới quản lý đầu tư các dự án trên địa bàn xã theo hướng: Nhà nước hỗ trợ, giao quyền tự chủ cho chính quyền và nhân dân địa phương thực hiện. Tiếp tục đổi mới phân cấp đầu tư giữa Bộ và địa phương: Tăng quyền tự chủ và chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương. Bộ quản lý các dự án có quy mô lớn, các dự án liên tỉnh, liên vùng, các dự án có kỹ thuật phức tạp.

- Nâng cao hiệu quả quản lý vốn Trái phiếu chính phủ, vốn ODA để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết 16/NQ-CP (Ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-TW ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhằm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại hoá vào năm 2020).

- Tăng cường hệ thống chính sách thúc đẩy xây dựng cơ sở hạ tầng thủy lợi nội đồng, để áp dụng các phương thức canh tác tiên tiến trong nông nghiệp, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, bảo vệ môi trường. Thúc đẩy áp dụng các giải pháp tưới tiên tiến – tiết kiệm nước cho cây công nghiệp chủ lực như: cà phê, hồ tiêu, điều, chè, mía...

4. Đổi mới hoạt động khoa học công nghệ.

- Nghiên cứu luận cứ khoa học để hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách: Trọng tâm chuyển các hoạt động trong lĩnh vực thủy lợi thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ

nghĩa nhằm thúc đẩy phát triển thủy lợi hiệu quả, bền vững; nghiên cứu, hoàn thiện thể chế, chính sách để huy động nguồn lực qua hợp tác công – tư, thúc đẩy sự tham gia của khu vực tư nhân và đẩy mạnh xã hội hóa trong thủy lợi.

- Đẩy mạnh áp dụng các công nghệ tiên tiến, như: công nghệ ảnh vệ tinh, công nghệ thông tin, vật liệu mới, nâng cao năng lực dự báo trong phòng, chống thiên tai, đảm bảo an toàn đập và phòng, chống lũ cho hạ lưu, quản lý khai thác công trình thủy lợi.

- Tập trung nghiên cứu, hướng dẫn thiết kế các hệ thống thủy lợi nội đồng; nghiên cứu, chuyển giao công nghệ chế tạo các cấu kiện, thiết bị cho xây dựng, gắn với xây dựng giao thông nội đồng để áp dụng phương thức canh tác nông nghiệp tiên tiến; nghiên cứu hệ thống thủy lợi đáp ứng yêu cầu chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo quy hoạch tái cơ cấu của từng hệ thống.

- Đẩy mạnh nghiên cứu các giải pháp thúc đẩy sản xuất các thiết bị, vật tư, hệ thống nhà lưới, nhà kính để tưới tiên tiến - tiết kiệm nước, sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

- Nghiên cứu, tích hợp thiết bị, tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo mưa, lũ, mặn, hạn; nghiên cứu chế độ thủy văn, dòng chảy để nâng cao chất lượng quy trình vận hành hồ chứa bao gồm cả tình huống khẩn cấp.

- Nghiên cứu, nâng cao năng lực quản lý lũ tổng hợp các lưu vực sông, xây dựng các bản đồ ngập lụt, bản đồ hiểm họa, bản đồ sụt lở bờ... nghiên cứu xây dựng hệ thống cảnh báo sớm cho các lưu vực sông.

- Tăng cường nghiên cứu dự báo, đánh giá tác động của BĐKH và phát triển thượng nguồn, tác động của phát triển kinh tế xã hội khu vực hạ du tới hệ thống thủy lợi, đề xuất giải pháp thích ứng, giảm thiểu và biện pháp công trình phù hợp.

- Nghiên cứu kết cấu, vật liệu, công nghệ thi công, quy trình vận hành, mức đảm bảo an toàn của công ngăn sông, công trình ngăn sông lớn. Tăng cường nghiên cứu động lực học sông biển, chỉnh trị sông, bảo vệ bờ.

5. Củng cố tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về thủy lợi

- Củng cố tổ chức, bộ máy, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ công chức, quản lý nhà nước thủy lợi từ Trung ương đến địa phương; làm rõ tổ chức quản lý, vận hành hệ thống công trình thủy lợi, hệ thống nước sạch, đặc biệt khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, khu vực miền núi, Tây Nguyên; củng cố về tổ chức, tăng cường năng lực cho các tổ chức quản lý thủy lợi nhỏ, HTX, tổ hợp tác dùng nước, chủ quản lý đập; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ và nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức quản lý thủy nông cơ sở (HTX, tổ hợp tác dùng nước).

- Thành lập, củng cố tổ chức bộ máy phòng chống thiên tai các cấp từ Trung ương đến địa phương.

- Kiện toàn, củng cố các hội đồng quản lý HTTL liên tỉnh theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Thành lập cơ quan thường trực giúp việc cho Hội đồng; nghiên cứu thành lập mô hình hội đồng quản lý hệ thống trong nội tỉnh (liên huyện, liên xã),

thí điểm áp dụng mô hình hội đồng quản lý hệ thống quản lý đặt hàng CTTL.

- Cùng cố tổ chức thực hiện nhiệm vụ đặt hàng, đấu thầu quản lý khai thác công trình thủy lợi thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

- Rà soát chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp khoa học, tăng tính chuyên nghiệp, chuyên sâu trong đào tạo, thu hút đội ngũ cán bộ đầu đàn trong từng lĩnh vực. Có chính sách đãi ngộ để tạo sự chuyển biến trong phát triển nguồn lực khoa học.

6. Đào tạo nguồn nhân lực, tăng cường Hợp tác quốc tế

- Tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức làm nhiệm vụ quản lý nhà nước về thủy lợi, trọng tâm là cán bộ cấp huyện, cấp xã.

- Tăng cường công tác đào tạo, đào tạo lại cho các đội ngũ quản lý, vận hành hệ thống công trình thủy lợi, quản lý vận hành hồ đập, quản lý thủy nông cơ sở;

- Nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế để tăng cường năng lực, thể chế, đào tạo nguồn nhân lực, lựa chọn công nghệ tiên tiến để chuyển giao.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tổng cục Thủy lợi

- Xây dựng kế hoạch hành động thực hiện Đề án năm 2014, 2015 và giai đoạn 2016-2020, trong đó tập trung xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm.

- Hoàn chỉnh Đề án nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi; báo cáo Bộ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cơ chế chính sách để nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan trực thuộc Bộ, các cơ quan, đơn vị có liên quan, các địa phương triển khai thực hiện Đề án. Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách huy động nguồn lực để thực hiện Đề án.

- Định kỳ tổng hợp báo cáo Bộ tình hình thực hiện, đề xuất sửa đổi, bổ sung Đề án khi cần thiết.

b) Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Vụ Kế hoạch: Chủ trì, phối hợp với Tổng cục Thủy lợi, Cục quản lý Xây dựng công trình xây dựng Tiêu chí và lựa chọn danh mục dự án đầu tư đến năm 2020 phù hợp với Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp; cân đối, bố trí nguồn vốn thực hiện các dự án theo danh mục được lựa chọn.

- Cục Trồng trọt, Tổng cục Thủy sản: phối hợp với Tổng cục Thủy lợi tổ chức chỉ đạo rà soát quy hoạch thủy lợi phục vụ chuyển dịch cơ cấu, chuyển đổi cây trồng; thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản tập trung.

- Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường: chủ trì, phối hợp với các đơn vị rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia trong lĩnh vực

vực thủy lợi hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế và khu vực; nghiên cứu, chuyển giao công nghệ mới vào xây dựng, quản lý công trình thủy lợi, công trình phòng chống thiên tai.

2. Các địa phương

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố:

- Rà soát quy hoạch thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản tập trung, phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng và quy hoạch thủy lợi nội đồng gắn với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Xây dựng kế hoạch để triển khai các nội dung có liên quan trong Đề án này trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KHĐT; Tài chính; Công Thương; KH&CN; TN&MT;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Ban cán sự Đảng bộ;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Bộ NN&PTNT;
- Lưu: VT, TCTL.

